

UBND xã Sơn Tây Hạ

BÁO CÁO QUỸ LƯƠNG, PHỤ CẤP, TRỢ CẤP DỰ KIẾN NĂM 2025
(Kèm theo Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	BIÊN CHẾ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN GIAO HOẶC PHÊ DUYỆT NĂM 2025	TỔNG SỐ ĐỐI TƯỢNG CÓ MẬT ĐẾN 01/7/2025	QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP, TRỢ CẤP NĂM 2025 THEO TIỀN LƯƠNG 2,34															HỆ SỐ LƯƠNG, PHỤ CẤP BÌNH QUÂN	
				TỔNG CỘNG	MỨC LƯƠNG THEO NGẠCH , BẠC, CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP, TRỢ CẤP (I)	Trong đó										CÁC KHOẢN ĐỒNG GÓP, BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN (2)	HỆ SỐ LƯƠNG, NGẠCH, BẠC BÌNH QUÂN	HỆ SỐ PHỤ CẤP BÌNH QUÂN	
							PHỤ CẤP KHU VỰC	PHỤ CẤP CHỨC VỤ	PHỤ CẤP THẨM NIÊN VƯỢT KHUN G	PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGÂN H	PHỤ CẤP THU HÚT	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LÃU NĂM	PHỤ CẤP CÔNG VỤ	PHỤ CẤP CÔNG TÁC ĐĂNG	PHỤ CẤP THẨM NIÊN NGHỀ	PHỤ CẤP KHÁC				
1	2	3	4	5=6+7+18	6	7= 8 +...+17	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19=6/4/12/2,34	20=7/4/12/2,34	
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V+VI)		316	26.271,584	10.266,750	13.562,083	1.642,680	259,782	4,195	4.898,993	2.702,307	1.290,276	816,251	96,455	592,397	1.258,747	2.442,752	6,250	5,494	
I	KHU VỰC HCSN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ		247	25.346,708	10.266,750	12.637,207	1.642,680	259,782	4,195	4.898,993	2.702,307	1.290,276	816,251	96,455	592,397	333,871	2.442,752	6,250	5,494	
	Trong đó:																			
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo																			
	- Giáo dục:		170	18.702,976	6.867,245	10.191,069	1.144,260	131,316		4.898,993	2.462,504	652,860			570,074	331,063	1.644,662	1,439	2,135	
	- Đào tạo																			
2	Sự nghiệp y tế																			
3	Sự nghiệp khoa học-công nghệ																			
4	Sự nghiệp văn hoá thông tin																			
5	Sự nghiệp phát thanh truyền hình																			
6	Sự nghiệp thể dục - thể thao																			
7	Sự nghiệp đảm bảo xã hội																			
8	Hoạt động kinh tế		7	600,713	321,235	200,692	42,120	9,828	4,195		22,998	61,776	17,024	20,428	22,324		78,786	1,634	1,021	
9	Sự nghiệp môi trường																			
10	Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		70	6.043,020	3.078,270	2.245,445	456,300	118,638	0,000	0,000	216,806	575,640	799,227	76,027	0,000	2,808	719,304	3,177	2,338	
	- Quản lý NN		41	3.235,472	1.678,903	1.166,970	252,720	52,650			118,427	307,476	432,888			2,808	389,599	1,458	1,014	
	- Đảng, đoàn thể		29	2.807,547	1.399,367	1.078,476	203,580	65,988			98,378	268,164	366,339	76,027			329,705	1,718	1,324	
II	CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH, CÔNG CHỨC XÃ																			
III	CÁN BỘ KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ, THÔN																			
IV	HOẠT ĐỘNG PHÍ ĐẠI BIỂU HĐND CÁC CẤP		36	482,544	0	482,544	0	0	0	0	0	0	0	0	0	482,544	0	0	0	
	+ Cấp tỉnh																			
	+Cấp huyện																			
	+ Cấp xã		36	482,544		482,544										482,544				
V	PHỤ CẤP TRÁCH NHIỆM CẤP ỦY		33	442,332	0	442,332	0	0	0	0	0	0	0	0	0	442,332	0	0	0	
	+ Ủy viên cấp tỉnh																			
	+ Ủy viên cấp huyện																			
	+ Ủy viên cấp xã		33	442,332		442,332										442,332				
VI	CÁN BỘ XÃ NGHỈ VIỆC																			
	+ Bí thư, chủ tịch.																			
	+ Phó BT, phó CT, TT Đảng ủy, Ủy viên, TK																			
	+ Các chức danh còn lại																			

Ghi chú:

- (1) Chi tính các khoản phụ cấp do Trung ương quy định, không kể tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ, phụ cấp theo mức tuyệt đối
(2) Mức đóng BHXH là 17,5%, BHYT là 3%, BHTN là 1%, KPCĐ là 2%.
(3) Không bao gồm các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên.

..., ngày.....tháng.....năm 2025
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỤ
(Ký tên, đóng dấu)

UBND XÃ SON TÂY HẠ

NHU CẦU THỰC HIỆN TIỀN LƯƠNG ĐẾN MỨC LƯƠNG CƠ SỞ 2,34 TRIỆU ĐỒNG NĂM 2024 VÀ DỰ KIẾN NHU CẦU NĂM 2025
(Kèm theo Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN NĂM 2024	DỰ TOÁN NĂM 2025	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025 (1)	CHÉNH LỆCH ƯỚC THỰC HIỆN VÀ DT 2025
	TỔNG NHU CẦU KINH PHÍ TĂNG THÊM ĐỂ THỰC HIỆN CCTL			11.767,000	
I	Nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện CCTL đến mức lương cơ sở 2,34 tr đ/tháng				
1	Nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện ND 24/2023/ND-CP đã thẩm định				
2	Nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện ND 73/2024/ND-CP đã thẩm định				
a	Nhu cầu CCTL				
b	Quỹ tiền thưởng				
II	Nhu cầu thực hiện một số loại phụ cấp, trợ cấp theo quy định			11.767,000	
1	Kinh phí tăng/giảm do điều chỉnh số lượng cán bộ, công chức cấp xã; mức khoán phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị định số 33/2023/ND-CP của Chính phủ				
2	Nhu cầu kinh phí chi trả chế độ cho các đối tượng nghỉ việc do sắp xếp bộ máy theo Nghị định số 178/2024/ND-CP, số 67/2025/ND-CP			9.168,000	
3	Nhu cầu kinh phí chi trả chế độ cho các đối tượng không tái cử, tái bổ nhiệm và cán bộ thôi việc, nghỉ hưu theo nguyện vọng theo Nghị định số 177/2024/ND-CP				
4	Nhu cầu kinh phí chi trả chế độ cho các đối tượng tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/ND-CP ngày 03/6/2023, Nghị định số 154/2025/ND-CP ngày 15/6/2025			2.599,000	
5	Các loại phụ cấp, trợ cấp khác (chi Tiết) (2):				

Ghi chú:

- (1) Xác định trên cơ sở tổng hợp đầy đủ các chính sách
- (2) Địa phương kê khai chi Tiết từng loại phụ cấp, trợ cấp khác và nhu cầu tương ứng
- (3) Số liệu báo cáo được tổng hợp từ các địa phương trước sắp xếp

Son Tây, ngày..... tháng 7 năm 2025
UBND XÃ SON TÂY HẠ
CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)